

Bản án số: 34/2021/HS-ST

Ngày: 22/07/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thoảng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Trung Hiếu

2. Ông Phạm Thanh Châu Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái: Ông Nguyễn Cao Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 07 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 31/2021/TLST-HS ngày 25 tháng 05 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2021/QĐXXST- HS ngày 09/07/2021 đối với các bị cáo:

1. Bùi Đức T (tên gọi khác: Không) sinh ngày 26/12/1988. Tại Thành phố Hà Nội.

Nơi cư trú: Phường Tân Mai, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Nơi tạm trú: Thôn C, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Văn L (đã chết) và bà Dương Thị Q. Bị cáo có vợ là Lê Phương A, sinh năm 1991 (đã ly hôn) và 02 con. Con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2016. Hiện vợ con trú tại: Thôn C, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

Tiền án: Có 01 tiền án. Ngày 10/10/2019 bị Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng, về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Tiền sự: Có 01 tiền sự. Năm 2021 bị Công an quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội xử phạt vi phạm hành chính về tội Đánh bạc. Quyết định số: 316609/QĐ-XPHC ngày 09/04/2021.

Bị cáo bị bắt ngày 05/03/2021. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái – có mặt.

2. Lý Kim H (tên gọi khác: Không), sinh ngày 15/01/1996. Tại huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đức L và bà Nguyễn Thị P. Bị cáo có vợ là Nguyễn Mai P, sinh năm 1999 và 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2018. Hiện vợ con trú tại: Thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Tiền án: Không

Tiền sự: Có 01 tiền sự. Ngày 20/5/2019 bị Ủy ban nhân dân huyện Văn Yên ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Tàng trữ vũ khí thô sơ mà không có giấy phép”.

Nhân thân: Năm 2019 bị Công an huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xử phạt hành chính về hành vi “Xâm hại đến sức khỏe của người khác” (QĐ số: 86/QĐ-XPVPHC ngày 19/04/2019).

Bị cáo bị bắt ngày 01/10/2020. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái – có mặt.

3. Phạm Trung Đ (tên gọi khác: Không), sinh ngày 01/06/2000. Tại huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn H (đã chết) và bà Nguyễn Thị H. Bị cáo chưa có vợ con

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt ngày 21/01/2021. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái – có mặt.

- *Bị hại:* Bà Đỗ Thị H, nơi cư trú: Thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái – vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Bà Nguyễn Thị P, nơi cư trú: Thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái – có mặt.

Chị Nguyễn Mai P, nơi cư trú: Thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái – có mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng:

Ông Nguyễn Đức G. Nơi cư trú: Thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái – vắng mặt.

Chị Lê Thu H. Nơi cư trú: Phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2019 Lý Kim H có quen biết với Bùi Đức T. Khoảng giữa tháng 9/2020 H xuống Hà Nội chơi và ở trọ nhà T thì gặp người tên M và M1 là bạn của T, tại đây mọi người có nói chuyện rủ nhau lên chỗ H chơi thì mọi người đồng ý, sau đó H về nhà

trước. Đến khoảng 14 giờ ngày 22/9/2020 T cùng với M, M1 và Lê Thu H đi ô tô khách từ Hà Nội lên thị trấn Mậu A và hẹn H ra đón tại nút giao IC14. Trên xe M1 nói chuyện với T về việc biết cách lừa đảo chiếm đoạt tài sản từ việc ghi số lô, số đề rồi thay đổi các con số và kể cho T cách thức, M1 bảo T rủ H còn M1 sẽ rủ M tham gia cùng. Khoảng cuối giờ chiều cùng ngày H điều khiển xe ô tô, biển kiểm soát 21D-001.99 ra nút giao IC14 đón mọi người đưa về thuê phòng trọ tại nhà nghỉ Mỹ Hạnh thuộc Tổ dân phố số 5, thị trấn Mậu A. Khi gặp nhau T hỏi và nói chuyện với H tìm điểm ghi số lô, số đề sau đó thay đổi các con số để kiểm tiền H đồng ý. Ngày 23/9/2020 T, H, M và M1 cùng nhau đi tìm các điểm ghi số lô, số đề để thực hiện hành vi lừa đảo nhưng không thành. Đến trưa ngày 24/9/2020 tại phòng trọ nhà nghỉ, T phân công, nhiệm vụ, vai trò cho H, M và M1 và cùng nhau bàn bạc, cụ thể:

Lý Kim H là người sẽ cầm mảnh giấy đã ghi trước các con số lô thường, lô xiên và các số đề đến chỗ người ghi để ghi nhưng không cầm mảnh giấy và cấp người ghi sao chép lại. Đến khi có kết quả một số giải xổ Miền Bắc ngày hôm đó, H quay lại bảo cho xem lại mảnh giấy mà H đã ghi trước đó rồi đưa cho M để M đưa cho M1 chỉnh sửa các con số. Khi M đưa lại mảnh giấy mà M1 đã chỉnh sửa H tìm cách yêu cầu người ghi phải viết mảnh cấp khác cho đúng với mảnh giấy đã được chỉnh sửa; M là người chuẩn bị tờ giấy đã ghi các con số để đánh, chuẩn bị tiền để đưa cho T và đến ghi số lô, số đề ngay khi H ghi xong mục đích để quan sát xem người ghi có chụp ảnh hay mang tờ giấy mà H đã ghi đi đâu không. Khi H quay lại lấy tờ giấy mà H đã ghi trước đó đưa cho M để M cầm đưa cho M1 đứng đợi cách đó khoảng 10 mét để M1 sửa các con số rồi M cầm mang lại đưa cho H; M1 là người chuẩn bị dụng cụ khi nhận mảnh giấy mà M đưa cho thì dùng dụng cụ tẩy các con số lô, số đề mang theo để chỉnh sửa cho trùng với kết quả xổ Miền Bắc đã quay ngày hôm đó rồi đưa lại cho M để M mang đưa lại cho H; Bùi Đức T là người nhận tờ giấy mà M đã ghi các con số để đánh và tiền rồi đưa cho H và ngồi ngoài đợi mọi người thực hiện nếu người ghi không chấp nhận T đi đến và gây áp lực buộc người ghi phải ghi số lô, số đề viết lại mảnh giấy khác.

Sau khi thống nhất cách thức lừa đảo, các đối tượng đi tìm các điểm có bán số lô, số đề phù hợp để thực hiện, các đối tượng đã tìm được bàn bán vé số của bà Đỗ Thị H trú tại thị trấn Mậu A hàng ngày bà H ngồi bán số lô, số đề tại thị trấn Mậu A là phù hợp có thể thực hiện hành vi lừa đảo. Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 24/9/2020 tại phòng nghỉ M đưa cho T mảnh giấy được cắt từ bì quyển vở học sinh có ghi các con số màu xanh gồm các cặp lô xiên 2, xiên 3, xiên 4 và các con số lô, đề khác đưa cho T cùng số tiền 3.400.000 đồng (ba triệu bốn trăm nghìn), T cầm và đưa lại mảnh giấy đó và tiền cho H. Đến khoảng 17 giờ 15 phút cùng ngày, H điều khiển xe ô tô đưa M và M1 đi còn T đi xe mô tô của nhà nghỉ ngay phía sau, tất cả đi đến quán bia gần chỗ bà H. T, M và M1 vào quán bia ngồi đợi còn H cầm tờ giấy đã ghi sẵn các con số để đến mua số lô, số đề của bà H, đúng như các cặp số trong tờ giấy mà T đã đưa với số tiền 3.420.000 đồng (*Ba triệu bốn trăm hai mươi nghìn*). H nói với bà H sẽ quay lại lấy giấy sau, rồi H quay lại quán bia chỗ mọi người ngồi đợi. Theo kế hoạch đã bàn, khi H vừa đi thì M lấy lý do vào mua số lô, số đề chỗ bà H mục đích để theo dõi xem bà H có chụp lại cấp đề H đã mua và mang đi nơi khác không và ngồi tại đó chờ đến khi H quay lại, còn M1 cũng đi đến cách chỗ bà H khoảng 10 mét đứng đợi. Đến khoảng 18

giờ 15 phút cùng ngày H quay lại chỗ bà H, còn T ngồi đó quan sát và đợi mọi người quay lại. H đến gặp bà H bảo đưa lại tờ giấy đã ghi số lô, số đề lúc trước. H nhận lại và đưa cho M, nhân lúc bà H không để ý M đã cầm chuyển cho M1 để chỉnh sửa các con số trong mảnh giấy đó, chỉnh xong M chuyển lại cho H, H biết trong tờ giấy M vừa đưa lại đã có những dãy số trùng thưởng khác với tờ cặp đề bà H viết trước đó, nên H đã yêu cầu bà H viết cặp đề khác có nội dung như tờ giấy đã chỉnh sửa vì hai tờ giấy có dữ liệu khác nhau nên bà H nghĩ mình ghi chưa đầy đủ nên đã viết một cặp đề khác theo yêu cầu của H có dãy số trùng thưởng với tổng số tiền là 81.000.000 đồng. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày H cùng M1 và Phạm Trung Đ trú tại thị trấn Mậu A đến nhà bà H lấy 4.000.000 đồng đem về phòng trọ tại đây H chia cho T, M, M1 và Đ mỗi người 500.000 đồng, số tiền còn lại H cùng mọi người đi ăn uống và trả tiền phòng trọ hết. Sau khi trả phòng mọi người ra quán ăn cơm trong lúc ngồi ăn T, H, M và M1 ngồi nói chuyện lại về việc buổi chiều đi lừa đảo chiếm đoạt được tiền từ chỗ bà H cho Đ cùng nghe, ăn xong H đưa mọi người ra bắt xe khách về Hà Nội còn H và Đ ai về nhà ấy. Ngày 25/9/2020 H đến nhà bà H lấy thêm 20.000.000 đồng đem về chuyển khoản cho T 15.000.000 đồng, còn 5.000.000 đồng H giữ lại chi tiêu, khi nhận được tiền T đưa cho M1 và M1 chia lại cho T 3.500.000 đồng. Ngày 26/9/2020 H nhờ Đ đến nhà bà H lấy 5.000.000 đồng Đ đồng ý đến lấy về đưa cho H. Đến ngày 28/9/2020 H lại một mình đến nhà bà H lấy 30.000.000 đồng thì bị Công an tỉnh Yên Bái phát hiện và lập biên bản. Kiểm tra phát hiện thu giữ tại túi quần của H đang mặc tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Quá trình xác minh điều tra Cơ quan điều tra tạm giữ của Lý Kim H tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành 30.000.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung; 01 xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET, biêm kiểm soát 21D-001.99, màu sơn đỏ. Tạm giữ 01 (một) tờ giấy dạng tờ bìa vở học sinh, một mặt có nhiều hình nhiều màu, một mặt có nhiều chữ số màu xanh, chữ số màu đen kích thước (12x8,5) cm; 01 (một) mảnh giấy màu trắng có viết nhiều chữ, số kích thước (10,3x7,5) cm; 01 (một) mảnh giấy màu trắng hai mặt có số màu xanh kích thước (10,3x7,2) cm do bà H giao nộp.

Tại bản Kết luận định số 248/KLGĐ ngày 01/10/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái, kết luận:

1. Tài liệu ký hiệu A1. Chữ số “100” trong dãy số 70-53-88=100 là chữ số được sửa chữa, chữ số nguyên thủy là “200”.

+ Chữ số “100” trong dãy số 79-56-24-68=100 là chữ số được sửa chữa, chữ số nguyên thủy là “1000”.

+ Chữ số “56”, “93”, “91”, “03” trong dãy số 56-93-91-03 là dãy số được sửa chữa, hàng chữ số nguyên thủy là “65-47-33-17”.

+ Chữ số “3300 là chữ số được sửa chữa, chữ số nguyên thủy là “3300”.

+ Chữ số “120” trong dãy số 120=3420 là chữ số được sửa chữa, chữ số nguyên thủy là “410”.

2. Tài liệu ký hiệu A2. Chữ số “1100” bên phải dãy số 79-56-24-68 là chữ số được sửa chữa, tại vị trí chữ số bị sửa chữa phát hiện chữ số “1100” và chữ số “1000”, không xác định được chữ số viết trước, viết sau.

3. Tài liệu ký hiệu A3. Các chữ số trên tài liệu không bị sửa chữa.

Tại bản Kết luận định số: 273/KLGĐ ngày 04/11/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái, kết luận: Số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) gửi giám định là tiền do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành.

Tại bản cáo trạng số: 28/CT-VKS-VY ngày 25/05/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên đã truy tố Bùi Đức T; Lý Kim H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a, c khoản 2 điều 174 Bộ luật Hình sự. Phạm Trung Đ về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 điều 174 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên giữ quyền công tố luận tội và tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Bùi Đức T; Lý Kim H; Phạm Trung Đ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử về mức hình phạt:

* Đối với bị cáo Bùi Đức T: Căn cứ điểm a, c khoản 2; 5 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; 17; 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo tù 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Phạt bị cáo tù 10.000.000đồng đến 15.000.000đồng sung quỹ Nhà nước.

Căn cứ điều 56 Bộ luật Hình sự. Tổng hợp với 06 (sáu) tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 294/2019/HSPT ngày 10/10/2019 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Buộc bị cáo Bùi Đức T phải chấp hành chung cho cả hai bản án. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt 05/03/2021.

* Đối với bị cáo Lý Kim H: Căn cứ điểm a, c khoản 2; 5 Điều 174; điểm b, s khoản 1; 2 Điều 51; 17; 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo tù 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Phạt bị cáo tù 10.000.000đồng đến 15.000.000đồng sung quỹ Nhà nước.

* Đối với bị cáo Phạm Trung Đ: Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; 17; 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo tù 06 tháng đến 09 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Đỗ Thị H không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm. Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị P không có yêu cầu gì về phần bà đã bồi thường thay cho các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, kiểu máy SM-G955FD, số IMEI (Khe1): 359122083695840 IMEI (Khe2): 359122083695840, lắp sim: 0378.956.666, điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra máy móc chi tiết bên trong.

- Các vật chứng còn lại gồm: 01 mảnh giấy dạng tờ bìa quyển vở học sinh, một mặt có nhiều hình màu, mặt còn lại có nhiều chữ số màu xanh, chữ số màu đen có kích thước dài 12cm, rộng 8,5cm. 01 mảnh giấy màu trắng có in và viết nhiều chữ và số kích thước 10,3cm chiều dài, 7,5cm chiều rộng. 01 mảnh giấy màu trắng hai mặt có số màu xanh kích thước chiều dài 10,3cm, chiều rộng 7,2cm. Các vật chứng này liên quan

đến hành vi phạm tội của các bị cáo. Xét thấy không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Các bị cáo phải chịu án phí HSST.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an và Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo; người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình hỏi và tranh luận tại phiên tòa các bị cáo đã khai phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng của vụ án đã thu giữ, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 17 giờ 15 phút ngày 24/9/2020 tại phòng trọ nhà nghỉ Mỹ Hạnh thuộc thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, Bùi Đức T cùng với Lý Kim H và 2 người có tên là M, M1 (không rõ địa chỉ). Tại đây T phân công nhiệm vụ, vai trò cho H, M và M1 cùng nhau bàn bạc cách thức lừa đảo chiếm đoạt tài sản đối với bà Đỗ Thị H bằng hình thức tẩy sửa các con số lô, số đề không trúng thưởng thành số trúng thưởng nhằm chiếm đoạt với số tiền trúng thưởng là 81.000.000 đồng. Tổng số tiền mà các bị cáo đã chiếm đoạt của bà H là 59.000.000 đồng. Quá trình điều tra xác định T được chia 4.000.000 đồng; H được chia 12.000.000 đồng; M1 được chia 12.000.000 đồng còn M và Đ mỗi người được chia 500.000 đồng. Còn số tiền 30.000.000 đồng H chiếm đoạt của bà H ngày 28/9/2020 chưa kịp sử dụng thì bị phát hiện và thu giữ. Hành vi của các bị cáo Bùi Đức T; Lý Kim H đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a, c khoản 2 điều 174 Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo Phạm Trung Đ đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 điều 174 Bộ luật Hình sự. Do đó cáo trạng số: 28/CT-VKS-VY ngày 25/05/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái đã truy tố các bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét vai trò đồng phạm, tích chất, mức độ phạm tội của các bị cáo. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy đây là vụ án đồng phạm có tổ chức, có sự phân công công việc cụ thể cho từng người trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội. Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án thấy rằng: Trong vụ án này bị cáo Bùi Đức T là người giữ vai trò chính phân công, nhiệm vụ cụ thể cho từng người để thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy T phải chịu trách nhiệm

hình sự với vai trò chính trong vụ án. Đối với bị cáo Lý Kim H sau khi được bàn bạc, phân công nhiệm vụ và bị cáo là người trực tiếp đến mua số lô, số đề, trả tiền và trực tiếp chiếm đoạt số tiền 59.000.000 đồng của bà H. Do vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm là người thực hành tích cực trong vụ án. Đối với bị cáo Phạm Trung Đ khi đã biết hành vi phạm tội của Bùi Đức T; Lý Kim H, nhưng khi được H nhờ Đ. Đ vẫn xuống nhà bà H lấy 5.000.000 đồng về đưa cho H và còn được chia 500.000 đồng. Do đó Đ phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình với vai trò đồng phạm là người giúp sức.

[4] Về hành vi phạm tội của các bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng. Các bị cáo là người nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của các bị cáo xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội tại địa phương. Do vậy cần phải đưa các bị cáo ra xử lý bằng pháp luật để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Về nhân thân: Bị cáo Bùi Đức T đã có 01 tiền án đến nay chưa được xóa án về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và có 01 tiền sự về tội “Đánh bạc”. Bị cáo Lý Kim H có 02 tiền sự bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Xâm hại sức khỏe của người khác” và “Tàng trữ vũ khí thô sơ mà không có giấy phép”. Bị cáo Phạm Trung Đ là người có nhân thân tốt và chưa có tiền án, tiền sự.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngày 10/10/2019 bị cáo Bùi Đức T đã bị Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng, về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Bị cáo phạm tội trong thời gian thử thách nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp “Tái phạm”. Do vậy bị cáo Tâm phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong suốt quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa 03 bị cáo đều thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự mà các bị cáo được hưởng.

Bị cáo Bùi Đức T sau khi phạm tội bị phát hiện bị cáo đã tự ra đầu thú. Do vậy cần cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Lý Kim H đã tác động gia đình bồi thường số tiền 20.000.000 đồng cho bị hại. Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do vậy cần cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1; khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Phạm Trung Đ phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do vậy cần cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét thấy nên phải có một mức án phù hợp với các bị cáo Bùi Đức T; Lý Kim H. Cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho xã hội đồng thời răn đe, phòng ngừa tội phạm nói chung. Đối với bị cáo Phạm Trung Đ là

đồng phạm với vai trò giúp sức, số tiền được hưởng lợi không lớn. Do vậy cần xử phạt bị cáo một mức án thấp nhất của khung hình phạt để cho bị cáo sửa chữa những sai lầm trở thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước đối với người phạm tội.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 điều 174 Bộ luật Hình sự quy định: “*Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng ...*”. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo Bùi Đức T; Lý Kim H đều đã có gia đình riêng, gia đình không thuộc hộ nghèo, cận nghèo và gia đình chính sách. Do vậy cần phạt các bị cáo một khoản tiền sung quỹ Nhà Nước.

Đối với bị cáo Phạm Trung Đ tuổi còn trẻ, sống phụ thuộc vào mẹ, bố đã mất. Công việc làm chưa có, điều kiện khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Đối với các đối tượng có tên M và M1 là bạn của bị cáo Bùi Đức T cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội, quá trình điều tra bị cáo T chỉ biết tên không biết địa chỉ cụ thể, cơ quan điều tra chưa có căn cứ để điều tra làm rõ, quá trình điều tra nếu có đủ căn cứ sẽ xử lý đối với M và M1 theo quy định của pháp luật.

[10] Đối với Lê Thu H ngày 22/9/2020 có đi cùng bị cáo Bùi Đức T và người tên M1 và M từ Hà Nội lên thị trấn Mậu A và cùng ở nhà nghỉ H, quá trình điều tra xác định H không biết và không tham gia cùng với các bị cáo T, H và người tên M và M1 nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

[11] Đối với bà Đỗ Thị H có hành vi bán sô lô, số đề cho Lý Kim H với số tiền 3.420.000 đồng, do số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc dưới 5.000.000 đồng chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự, nên Cơ quan điều tra ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp.

[12] Về trách nhiệm dân sự: Bà Đỗ Thị H không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét. Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị P không có yêu cầu gì về phần bà đã bồi thường thay cho các bị cáo. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[13] Về vật chứng của vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, kiểu máy SM-G955FD, số IMEI (Khe1): 359122083695840 IMEI (Khe2): 359122083695840, lắp sim: 0378.956.666, điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra máy móc chi tiết bên trong của bị cáo Lý Kim H.

- Các vật chứng còn lại gồm: 01 mảnh giấy dạng tờ bìa quyển vở học sinh, một mặt có nhiều hình màu, mặt còn lại có nhiều chữ số màu xanh, chữ số màu đen có kích thước dài 12cm, rộng 8,5cm. 01 mảnh giấy màu trắng có in và viết nhiều chữ và số kích thước 10,3cm chiều dài, 7,5cm chiều rộng. 01 mảnh giấy màu trắng hai mặt có số màu xanh kích thước chiều dài 10,3cm, chiều rộng 7,2cm. Các vật chứng này liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo. Xét thấy không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[14] Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật

[15] Các bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Bùi Đức T; Lý Kim H; Phạm Trung Đ phạm tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

2. Về hình phạt và điều luật áp dụng:

* Đối với bị cáo Bùi Đức T: Căn cứ điểm a, c khoản 2; 5 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; 17; 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Phạt bị cáo 10.000.000đồng (Mười triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

Căn cứ điều 56 Bộ luật Hình sự. Tổng hợp với 06 (sáu) tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 294/2019/HSPT ngày 10/10/2019 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Buộc bị cáo Bùi Đức T phải chấp hành chung cho cả hai bản án là 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt 05/03/2021.

* Đối với bị cáo Lý Kim H: Căn cứ điểm a, c khoản 2; 5 Điều 174; điểm b, s khoản 1; 2 Điều 51; 17; 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt 01/10/2020. Phạt bị cáo 10.000.000đồng (Mười triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

* Đối với bị cáo Phạm Trung Đ: Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1 Điều 51; 17; 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo 06 (sáu) tháng 03 (ba) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt 21/01/2021.

Căn cứ khoản 5 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự. Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Phạm Trung Đ nếu không bị tạm giam về một tội phạm khác.

3. Về vật chứng vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Khoản 2; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

* **Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước:** 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, kiểu máy SM-G955FD, số IMEI (Khe1): 359122083695840 IMEI (Khe2): 359122083695840, lắp sim: 0378.956.666, điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra máy móc chi tiết bên trong của bị cáo Lý Kim H.

* **Tịch thu tiêu hủy:** 01 mảnh giấy dạng tờ bìa quyển vở học sinh, một mặt có nhiều hình màu, mặt còn lại có nhiều chữ số màu xanh, chữ số màu đen có kích thước dài 12cm, rộng 8,5cm. 01 mảnh giấy màu trắng có in và viết nhiều chữ và số kích thước 10,3cm chiều dài, 7,5cm chiều rộng. 01 mảnh giấy màu trắng hai mặt có số màu xanh kích thước chiều dài 10,3cm, chiều rộng 7,2cm.

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/03/2021 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Các bị cáo Bùi Đức T; Lý Kim H; Phạm Trung Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng tiền án phí HSST.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- Công an huyện Văn Yên;
- VKSND huyện Văn Yên;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- THADS huyện Văn Yên;
- THA phạt tù; (6)
- Các bị cáo; (3)
- Lưu HS – TQĐ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Thị Thoảng